

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/DS-PT
Ngày 16 – 4 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí

Bà Giang Thị Cẩm Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2025/TLPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024, của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Chí T, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo uỷ quyền cho ông Trương Chí T: Bà Huỳnh Thị Hồng T1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khóm D, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Châu Thanh T2, sinh năm 1962

Bà Lê Ngọc B, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo uỷ quyền cho ông Châu Thanh T2 bà Lê Ngọc B: Ông Phạm Xuân K, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số G đường C, Khóm E, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trương Chí T trình bày: Giữa ông Chí T và vợ chồng ông Châu Thanh T2, bà Lê Ngọc B là hàng xóm. Năm 2017, vợ chồng ông Thanh T2, bà Ngọc B có kêu ông mua một phần đất có diện tích 07 công tầm cây và 11m mặt tiền thỏa thuận một công đất có giá 60.000.000 đồng và ông cũng đồng ý mua. Khi ra xem đất thực tế thì phần đất mặt tiền chỉ có 04m ông Chí T không đồng ý mua, nên vợ chồng ông Thanh T2 và bà Ngọc B đề nghị được vay tiền của ông Chí T, để làm tin thì vợ chồng ông T3 T, bà Ngọc B sẽ thế chấp quyền sử dụng đất cho ông Chí T. Số tiền ông Chí T cho vợ chồng ông Thanh T2, bà Ngọc B vay cụ thể:

- Biên nhận ngày 20/10/2017 vay 200.000.000 đồng lãi 2.5%. ông Thanh T2, bà Ngọc B có trả lãi được 40.000.000 đồng, thì không đóng lãi nữa.

- Biên nhận ngày 23/9/2020 vay tiếp số tiền 230.000.000 đồng, tổng cả gốc của năm 2017 là 430.000.000 đồng, lãi 2,5%, khoản vay này chưa đóng lãi.

Nay ông Chí T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thanh T2, bà Ngọc B có trách nhiệm trả cho ông nợ vay gốc là 430.000.000 đồng, lãi suất 1.66%/tháng, tính từ ngày 23/9/2020.

Bị đơn ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B thống nhất trình bày: Vào năm 2017 vợ chồng ông bà có đề nghị chuyển nhượng đất cho ông Chí T, nhưng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp Ngân hàng và diện tích không đủ nên ông Chí T không đồng ý mua. Do cần tiền nên vợ chồng ông bà có vay của ông Chí T 200.000.000 đồng vào ngày 20/10/2017 có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng. Ông bà có đóng lãi cho ông Chí T đến năm 2019 thì không đóng nữa, số tiền lãi đã đóng cũng không xác định được do thời gian lâu nên không nhớ. Đến năm 2020, do ông Chí T ép buộc và hăm dọa nên buộc ông bà phải ký vào biên nhận ngày 23/9/2020. Trên thực tế ông bà chỉ vay gốc 200.000.000 đồng. Nay ông bà đồng ý trả nợ gốc 200.000.000 đồng, lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 01/01/2019.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024, của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 124; Điều 131; 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chí T về việc yêu cầu ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B trả nợ vay.

1.1. Buộc ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B trả cho ông Trương Chí T số tiền 794.989.733 đồng (Trong đó gốc: 430.000.000 đồng; lãi là 364.989.733 đồng; lãi tạm tính đến ngày 27/12/2024);

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng ông Thanh T2 và bà Ngọc B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 09/01/2025 ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B kháng cáo xác định chỉ có vay của ông Trương Chí T nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 20/11/2017 đến ngày 20/12/2024 là 85 tháng = 282.200.000 đồng, đồng ý trả nợ gốc và lãi là 442.200.000 đồng, đồng thời yêu cầu áp dụng thời hiệu. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B rút một phần kháng cáo về việc yêu cầu áp dụng thời hiệu, yêu cầu miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; các nội dung còn lại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đồng thời, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn xác định vay tiền chỉ có một lần với số tiền 200.000.000 đồng; các biên nhận còn lại là cộng dồn cả vốn và lãi, thực tế ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B không có nhận số tiền 430.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B; Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 27/12/2024 của Toà án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu về án phí. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút kháng cáo về yêu cầu áp dụng thời hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn rút một phần kháng cáo về việc yêu cầu áp dụng thời hiệu. Xét thấy, việc rút một phần kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là tự nguyện, nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[3] Xét kháng cáo của ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B, Hội đồng xét xử xét thấy: Cả nguyên đơn ông Trương Chí T và bị đơn ông Châu Thanh T2, bà

Lê Ngọc B đều xác định năm 2017, giữa các bên có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng không thành, nên ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B đề xuất vay tiền ông Trương Chí T, và thực tế giữa các bên có giao dịch vay tiền. Tuy nhiên, giữa các bên xác định số tiền cho vay khác nhau, ông Trương Chí T xác định cho vay số tiền 430.000.000 đồng vào ngày 23/9/2020; còn vợ chồng ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B xác định chỉ vay một lần với số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 20/10/2017.

[4] Theo Biên nhận đề ngày 23/09/2020 thể hiện ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B có nhận của ông Trương Chí T số tiền 430.000.000 đồng. Ông Châu Thanh T2, bà Lê Ngọc B và người đại diện theo uỷ quyền xác định do vợ chồng ông Châu Thanh T2, bà Lê Ngọc B không có khả năng trả vốn và lãi, nên ông Trương Chí T tiếp tục yêu cầu ông bà viết biên nhận với số tiền nợ là 430.000.000 đồng (bao gồm cả vốn và lãi), thực tế ông bà có nợ vốn, nợ lãi nên viết biên nhận nợ với ông Trương Chí T, do ông Trương Chí T đọc cho ông bà viết mà không đối chiếu số tiền lãi và vốn. Lần viết biên nhận này vợ chồng ông bà không nhận thêm khoản tiền nào từ ông Trương Chí T.

[5] Xét thấy, Biên nhận nợ ngày 23/9/2020 ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B thừa nhận có viết và ký tên; nhưng ông Châu Thanh T2, bà Lê Ngọc B cho rằng ông bà bị ông Trương Chí T ép buộc, đe dọa viết biên nhận, nhưng ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B không có chứng cứ chứng minh. Từ khi viết biên nhận ngày 23/9/2020 đến khi ông Trương Chí T khởi kiện thì ông Châu Thanh T2, bà Lê Ngọc B không có khiếu nại hay trình báo cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Phía ông Trương Chí T không thừa nhận lời trình bày của ông Châu Thanh T2, bà Lê Ngọc B. Tại Biên nhận ngày 23/9/2020 có nội dung ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B có nhận của ông Trương Chí T số tiền gốc 430.000.000 đồng; nên Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chí T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về lãi suất: Ông Thanh T2, bà Ngọc B đồng ý trả tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng như quyết định của bản án sơ thẩm, nhưng ông bà chỉ đồng ý trả lãi suất trên nợ gốc là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, có căn cứ xác định ông Châu Thanh T2, bà Lê Ngọc B vay của ông Trương Chí T số tiền gốc 430.000.000 đồng, nên bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chí T về tính lãi suất là trên số tiền gốc 430.000.000 đồng là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B.

[7] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Toà án cấp sơ thẩm buộc ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B phải chịu án phí 32.373.589 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B có đơn xin miễn án phí do ông bà là người cao tuổi, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho ông, bà.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B không phải chịu.

[8] Từ nhận định trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B; có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông Châu Thanh T2, bà Lê Ngọc B; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2024/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu về án phí.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B về việc yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2024/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024, của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu về án phí.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 124; Điều 131; 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chí T về việc yêu cầu ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B trả nợ vay.

2. Buộc ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B trả cho ông Trương Chí T số tiền 794.989.733 đồng (Trong đó gốc: 430.000.000 đồng; lãi là 364.989.733 đồng; lãi tạm tính đến ngày 27/12/2024);

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng ông Thanh T2 và bà Ngọc B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B được miễn.

Ông Trương Chí T không phải chịu án phí; ông Trương Chí T đã nộp tạm ứng 21.000.000 đồng, tại biên lai thu số 0009223, ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được hoàn lại toàn bộ.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Châu Thanh T2 và bà Lê Ngọc B không phải chịu.

5. Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND Tx. Giá Rai;
- CCTHADS Tx. Giá Rai;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng